

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về phong trào thi đua
“Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia”
giai đoạn 2022 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phong trào thi đua “Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia” giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ~~04~~ tháng ~~11~~ năm 2022 và thay thế Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về phong trào thi đua “Lào Cai xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững” giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 51/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của bản quy định về phong trào thi đua “Lào Cai xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững” giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng ban, Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Vụ pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Lào Cai;
- Thành viên HĐTĐKT tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- Các Quỹ tài chính thuộc UBND tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Công báo Lào Cai;
- Lưu: VT, NC2.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về phong trào thi đua “Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia”
giai đoạn 2022 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 44 /2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022
của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về nội dung thi đua, tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng; quy trình, thủ tục đề nghị khen thưởng; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia” giai đoạn 2022 - 2025.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng tham gia hưởng ứng phong trào thi đua quy định tại Điều 3 Quy định này.

2. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, tập thể và cá nhân có liên quan đến phát động, vận động, tham gia thực hiện phong trào thi đua.

Điều 3. Đối tượng thi đua

1. Tập thể:

- a) Các thôn, bản, tổ dân phố;
- b) Các xã, phường, thị trấn;
- c) Các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- d) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp (trong và ngoài tỉnh).

2. Cá nhân, hộ gia đình:

- a) Người dân và các hộ gia đình sống ở các xã, phường, thị trấn (trong và ngoài tỉnh);
- b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trong và ngoài tỉnh.

Điều 4. Mục tiêu của phong trào thi đua

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị phấn đấu hoàn thành toàn diện và vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của các Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 03 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới; huyện Bảo Thắng được công nhận “Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao”;

b) Đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 94/127 xã duy trì và đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 74% tổng số xã trên địa bàn tỉnh; có 40,4% số xã đạt chuẩn “Xã nông thôn mới nâng cao” và 10,6% số xã đạt chuẩn “Xã nông thôn mới kiểu mẫu”;

c) Đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 70% tổng số thôn trên địa bàn tỉnh được công nhận hoàn thành “Thôn nông thôn mới”, trong đó có 30% số thôn đạt chuẩn “Thôn kiểu mẫu”;

d) Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 3-5%/năm trở lên theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2021 - 2025, trong đó tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, xã nghèo giảm từ 6%/năm trở lên. Giảm hộ cận nghèo hàng năm từ 2.000 hộ trở lên. Đến năm 2024, huyện Bảo Thắng và thành phố Lào Cai cơ bản không còn hộ nghèo;

đ) 100% lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trong độ tuổi lao động có nhu cầu đều được hỗ trợ đào tạo nghề và giới thiệu việc làm;

e) Phấn đấu thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng 2 lần so với năm 2020;

g) Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm bình quân 5 - 6%; phấn đấu 33 xã và 65 thôn ra khỏi địa bàn khó khăn.

Điều 5. Nội dung thi đua

1. Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh tập trung tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý. Chủ động đề ra các giải pháp giúp đỡ các xã được phân công hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

2. Các huyện, thị xã, thành phố chủ động đơn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức triển khai và chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý, thực hiện ở cơ sở. Tập trung lãnh chỉ đạo thực hiện xây dựng chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên cơ sở phát triển các ngành nghề và dịch vụ đã có, đồng thời xây dựng các ngành nghề mới phù hợp với điều kiện và phát

huy lợi thế của các xã. Tập trung chỉ đạo xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất nông nghiệp truyền thống gắn với du lịch và các dịch vụ ăn uống, nghỉ dưỡng tại các điểm, tua, tuyến du lịch.

3. Các xã, phường, thị trấn tích cực tuyên truyền vận động Nhân dân tổ chức triển khai thực hiện các chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; tăng cường thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở để huy động cao nhất sự tham gia của Nhân dân. Tập trung thực hiện các nội dung thi đua trọng tâm gồm: Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá nâng cao thu nhập cho người dân, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị; phát triển đường giao thông nông thôn rộng, thoáng, an toàn; xây dựng Nhà sạch - Vườn đẹp; thực hiện vệ sinh môi trường nông thôn, đường làng, ngõ xóm “Xanh - Sạch - Đẹp”; giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn; cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số.

4. Các doanh nghiệp tích cực nghiên cứu, đầu tư sản xuất, kinh doanh vào lĩnh vực nông nghiệp và ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp.

5. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa và tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao giá trị sản xuất trên một diện tích canh tác; chủ động và tích cực tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, bảo vệ môi trường; xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

6. Cán bộ, công chức, viên chức các cấp tích cực nghiên cứu đề xuất cho cơ quan, đơn vị, địa phương các giải pháp thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Chương II

TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG; QUY TRÌNH, THỦ TỤC KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KHEN THƯỞNG

Điều 6. Nguyên tắc khen thưởng

1. Tập thể đề nghị khen thưởng cấp tỉnh phải là tập thể chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua; có mô hình tiêu biểu trong phong trào thi đua.

2. Cá nhân đề nghị khen thưởng cấp tỉnh phải là những cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước.

3. Trong một năm, mỗi tập thể, cá nhân, hộ gia đình chỉ được đề nghị tặng không quá 01 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong phong trào thi đua này.

4. Trong giai đoạn chỉ xét tặng không quá 01 Bằng khen cho mỗi cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức (trừ khen thưởng thành tích đột xuất).

Mục 2 **KHEN THƯỞNG NỘI DUNG** **THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Điều 7. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng tập thể

1. Tặng một lần cho xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.
2. Tặng một lần cho xã được công nhận xã nông thôn mới nâng cao.
3. Tặng một lần cho xã được công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu.
4. Tặng một lần cho thôn được công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu trong giai đoạn 2022 - 2025.
5. Tặng một lần cho thôn được công nhận thôn nông thôn mới của 13 xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi trong giai đoạn 2022 - 2025.
6. Tặng một lần cho xã dẫn đầu các huyện, thị xã, thành phố có 03 năm liên tục được công nhận đạt chuẩn về an ninh, trật tự.
7. Tặng cho tập thể có đóng góp, ủng hộ xây dựng nông thôn mới bằng công sức, tiền hoặc chuyển giao kỹ thuật có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên.

Điều 8. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cá nhân, hộ gia đình

1. Mỗi thành phố, thị xã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu được lựa chọn không quá 15 cá nhân, hộ gia đình tiêu biểu xuất sắc có nhiều thành tích trong xây dựng nông thôn mới đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.
2. Mỗi xã đạt chuẩn xã nông thôn mới được lựa chọn không quá 05 cá nhân, hộ gia đình tiêu biểu xuất sắc có nhiều thành tích trong xây dựng nông thôn mới (trong đó 01 cán bộ, công chức; 04 hộ gia đình hoặc cá nhân là Nhân dân) đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.
3. Mỗi xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu được lựa chọn không quá 10 cá nhân, hộ gia đình tiêu biểu xuất sắc có nhiều thành tích trong xây dựng nông thôn mới (trong đó 05 cán bộ, công chức cấp huyện và cấp xã; 05 hộ gia đình hoặc cá nhân là Nhân dân) đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

4. Tặng cho cá nhân, hộ gia đình có đóng góp, ủng hộ xây dựng nông thôn mới bằng công sức, tiền của hoặc chuyển giao khoa học, kỹ thuật có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

5. Tặng 01 lần cho 01 cá nhân là lãnh đạo hoặc cán bộ, công chức, viên chức thuộc tổ giúp việc các sở, ban, ngành giúp đỡ được xã đạt chuẩn xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu theo quyết định phân công giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới của Ủy ban nhân dân tỉnh (số cá nhân được chọn tương ứng với số xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã kiểu mẫu).

Mục 3

KHEN THƯỞNG THỰC HIỆN GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

Điều 9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng tập thể

1. Tặng cho huyện, thị xã, thành phố đạt một trong các tiêu chí sau:

a) Huyện nghèo giảm tỷ lệ nghèo đa chiều từ 6%/năm trở lên, trong 03 năm liên tục trước khi trình khen thưởng.

b) Các đơn vị cấp huyện không thuộc diện huyện nghèo giảm tỷ lệ nghèo đa chiều từ 4%/năm trở lên, trong 03 năm liên tục trước khi trình khen thưởng hoặc quy mô hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều giảm trên 50% so với đầu kỳ.

2. Tặng cho cấp xã đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hằng năm xét tặng cho cấp xã dẫn đầu toàn tỉnh có tỷ lệ giảm nghèo cao nhất tỉnh.

b) Đối với cấp xã khu vực III, cấp xã khu vực II, xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi quy mô hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều giảm trên 50% so với đầu kỳ.

3. Hằng năm mỗi huyện, thị xã, thành phố lựa chọn 01 thôn, bản (riêng các huyện Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai được lựa chọn 02 thôn, bản) tiêu biểu trong thực hiện giảm nghèo đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách, chương trình giảm nghèo trên địa bàn. Huy động nguồn lực, hỗ trợ vốn, chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật để hộ nghèo phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống và thoát nghèo.

b) Điều kiện sống, thu nhập của người nghèo trên địa bàn được cải thiện rõ rệt, tiếp cận ngày càng thuận lợi với các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin.

c) Quy mô hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều giảm cao nhất huyện, thị xã, thành phố.

4. Hằng năm xét tặng cho 03 doanh nghiệp, hợp tác xã tiêu biểu đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có đóng góp thiết thực, hiệu quả trong thực hiện công tác giảm nghèo và

hỗ trợ, giúp đỡ các huyện nghèo, xã hoặc thôn đặc biệt khó khăn và người nghèo.

b) Tổ chức liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hỗ trợ phát triển các dự án, mô hình giảm nghèo phù hợp với người nghèo, nhất là ở địa bàn huyện nghèo.

5. Hằng năm xét tặng cho tập thể có đóng góp, ủng hộ giảm nghèo bền vững bằng công sức, tiền hoặc chuyển giao kỹ thuật có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên.

Điều 10. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cá nhân, hộ gia đình

1. Hằng năm mỗi huyện, thị xã, thành phố lựa chọn 03 hộ gia đình tiêu biểu trong thực hiện giảm nghèo đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có ý thức, trách nhiệm tự nguyện đăng ký thoát nghèo, có nhiều sáng kiến, cách làm hay, hiệu quả trong lao động, phát triển sản xuất, làm kinh tế và thoát nghèo bền vững; sử dụng vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội đúng mục đích, trả lãi, trả gốc đúng hạn, đạt hiệu quả sử dụng.

b) Có nhiều đóng góp, hỗ trợ hiệu quả, sáng tạo cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để phát triển sản xuất, làm kinh tế, thoát nghèo bền vững.

2. Hằng năm xét tặng cho 05 cán bộ, công chức, viên chức, người làm công tác giảm nghèo tiêu biểu đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người làm công tác giảm nghèo có sáng kiến trong việc xây dựng, tham mưu ban hành cơ chế, chính sách; hướng dẫn, tham gia tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan trung ương giúp đỡ các huyện nghèo, xã hoặc thôn đặc biệt khó khăn và người nghèo.

3. Tặng hằng năm cho cá nhân, hộ gia đình có đóng góp, ủng hộ giảm nghèo bền vững bằng công sức, tiền của hoặc chuyển giao khoa học, kỹ thuật có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

Mục 4

**KHEN THƯỞNG THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

Điều 11. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng tập thể

1. Hằng năm xét tặng cho 03 sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội; xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh tiêu biểu, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Hoàn thành có chất lượng, đúng tiến độ các nhiệm vụ của thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025 theo sự phân công của Trưởng ban Chỉ đạo.

2. Hằng năm xét tặng cho 02 đơn vị cấp huyện và 05 xã tiêu biểu, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn; đề ra các nội dung, giải pháp sát đúng, phù hợp với tình hình và điều kiện của địa phương.

b) Phân bổ, sử dụng kinh phí hiệu quả và thanh quyết toán đúng thời gian quy định.

c) Điều kiện sống của người dân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện rõ rệt, nhất là về y tế, giáo dục, văn hóa, đầu tư cơ sở hạ tầng và được tiếp cận ngày càng thuận lợi với các dịch vụ xã hội cơ bản.

d) Không nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Hằng năm xét tặng cho 03 doanh nghiệp, hợp tác xã tiêu biểu, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có những đóng góp cụ thể, thiết thực trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và được cấp có thẩm quyền ghi nhận;

b) Có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; bảo tồn và phát triển ngành nghề truyền thống của địa phương, có sản phẩm OCOP được xếp hạng từ 03 sao trở lên; phối hợp tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và giải quyết được nhiều việc làm cho người dân trên địa bàn nông thôn.

4. Hằng năm xét tặng cho tập thể có đóng góp, ủng hộ bằng công sức, tiền hoặc chuyển giao kỹ thuật có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên góp phần vào việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 12. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cá nhân

1. Hằng năm xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) nỗ lực bám sát cơ sở, có sáng kiến, giải pháp hữu ích trong việc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn hoặc tháo gỡ khó khăn cho cơ sở trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Năm trình đề nghị khen thưởng được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Hằng năm xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động trong các doanh nghiệp, thành viên hợp tác xã đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tích cực hưởng ứng, tham gia phong trào thi đua với những việc làm thiết thực trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Có mô hình hay, cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, có phát minh, sáng chế trong lao động, sản xuất góp phần vào việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Hằng năm xét tặng cho cá nhân có đóng góp tiền của, công sức, tài sản trị giá từ 50 triệu đồng trở lên góp phần vào việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Mục 5

KHEN THƯỞNG CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH; ĐĂNG KÝ THI ĐUA VÀ THỦ TỤC, HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Điều 13. Khen thưởng của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn tặng Giấy khen trong phong trào thi đua.

2. Căn cứ quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng có các hình thức ghi nhận, biểu dương kịp thời đối với các tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp, ủng hộ cho phong trào thi đua “Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia” ở địa phương.

Điều 14. Đăng ký thi đua

1. Đăng ký nội dung thi đua xây dựng nông thôn mới.

a) Đăng ký nội dung thi đua xây dựng nông thôn mới của các huyện, thị xã, thành phố gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh trước ngày 15/01 hằng năm.

b) Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổng hợp đăng ký thi đua gửi Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh trước ngày 20/01 hằng năm.

2. Đăng ký nội dung thi đua giảm nghèo bền vững.

a) Đăng ký nội dung thi đua giảm nghèo bền vững của các huyện, thị xã, thành phố gửi Sở Lao động, Thương binh và Xã hội trước ngày 15/01 hằng năm.

b) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổng hợp kết quả đăng ký thi đua gửi Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh trước ngày 20/01 hằng năm.

3. Đăng ký nội dung thi đua thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Đăng ký nội dung thi đua thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của các huyện, thị xã, thành phố gửi Ban Dân tộc tỉnh trước ngày 15/01 hằng năm.

b) Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp kết quả đăng ký thi đua gửi Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh trước ngày 20/01 hằng năm.

4. Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh tổng hợp kết quả đăng ký thi đua “Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia”, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 25/01 hằng năm. Đăng ký thi đua của các đơn vị phải nêu cụ thể chỉ tiêu thi đua phấn đấu thực hiện trong năm làm căn cứ xét khen thưởng cuối năm.

Điều 15. Thủ tục, hồ sơ, thời gian trình khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ trình khen thưởng thực hiện theo Điều 19, 20 và 21 Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số nội dung về công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Quy trình và thời gian trình khen thưởng.

a) Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị trực thuộc huyện, thị xã, thành phố xét và đề nghị khen thưởng về cơ quan thường trực phong trào thi đua cấp huyện trước ngày 05/12 hằng năm;

b) Cơ quan Thường trực cấp huyện tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng (qua Phòng Nội vụ huyện, thị xã, thành phố) trước ngày 10/12 hằng năm;

c) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh; các doanh nghiệp gửi hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng (qua các cơ quan thường trực cấp tỉnh) trước ngày 15/12 hằng năm;

d) Cơ quan thường trực cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng (qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh Lào Cai) trước ngày 20/12 hằng năm.

Điều 16. Tiền thưởng

1. Tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh cho các tập thể, cá nhân được trích từ Quỹ Thi đua, khen thưởng tỉnh.

2. Tiền thưởng kèm theo hình thức khen thưởng của Thủ trưởng các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho các tập thể, cá nhân được trích từ Quỹ Thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm tổ chức thực hiện phong trào thi đua

1. Giao cho Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh là cơ quan thường trực nội dung thi đua xây dựng nông thôn mới; Sở Lao động, Thương binh và

Xã hội là cơ quan thường trực nội dung thi đua giảm nghèo bền vững; Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan Thường trực nội dung thi đua thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Cơ quan thường trực có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh), Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức triển khai các nội dung của quy định này đến các đối tượng thi đua; tổng hợp đăng ký thi đua, chỉ đạo điểm, phát hiện, bồi dưỡng, xây dựng điển hình tiên tiến các cấp; kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, thẩm định và trình khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nội dung thi đua; báo cáo sơ kết, tổng kết nội dung thi đua trên phạm vi toàn tỉnh hàng năm.

2. Các cơ quan thường trực nội dung thi đua cần chủ động trong việc đổi mới, đẩy mạnh nội dung thi đua, tạo sức lan tỏa các nội dung thi đua, đưa phong trào thi đua trở thành động lực thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trong giai đoạn 2021 - 2025.

Cơ quan thường trực có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) hướng dẫn thực hiện nội dung thi đua gắn với nhiệm vụ công tác hàng năm, giai đoạn của ngành, địa phương; tổng hợp báo cáo phong trào thi đua theo quy định. Thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Ban Dân tộc tỉnh và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh phối hợp với cơ quan thường trực nội dung thi đua kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai phong trào thi đua; tổng hợp báo cáo phong trào thi đua theo quy định. Thẩm định và trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

4. Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực của Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung của phong trào thi đua.

5. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thành có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh.

6. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phát hiện, biểu dương và nhân rộng những cách làm hay, cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, các điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua “Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia” giai đoạn 2022 - 2025.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tuyên truyền, vận động các tổ chức trực thuộc, đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện thắng lợi phong trào thi đua “Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia” giai đoạn 2022 - 2025.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua trên địa bàn.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, tuyên dương, trao thưởng các tập thể, cá nhân tại hội nghị sơ kết, tổng kết thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia của từng năm và giai đoạn.

2. Các xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020; các xã đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao 2021 được trình khen thưởng cùng với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2022.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện quyết định nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Ban Dân tộc tỉnh và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để sửa đổi, bổ sung./